

PHỤ LỤC:
DANH SÁCH HỌC SINH HOÀN THÀNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 2751/TB-ĐHCT-ĐT ngày 14/7/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Phái	Ngày Sinh	Dân tộc	Mã ngành	Tên ngành	Xếp loại học lực (lớp 12)	Trường
01	Trần Chí Dĩ	Nam	27/04/2006	Kinh	7140209	Sư phạm Toán học	Giỏi	DBTPHCM
02	Thạch Nguyễn Phương Hà Giao	Nữ	08/07/2006	Khmer	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giỏi	DBTPHCM
03	Kim Ngọc Khải	Nam	29/10/2006	Khmer	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
04	Danh Nhựt Khang	Nam	05/05/2006	Khmer	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
05	Lý Anh Khoa	Nam	02/04/2006	Khmer	7480106	Kỹ thuật máy tính		DBTPHCM
06	Dương Thị Mỹ Linh	Nữ	02/09/2006	Khmer	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
07	Sơn Triệu Nam	Nam	03/02/2006	Khmer	7520201	Kỹ thuật điện		DBTPHCM
08	Thạch Thanh Nghiệp	Nam	21/04/2006	Khmer	7620305	Quản lý thủy sản		DBTPHCM
09	Lưu Võ Thành Nhân	Nam	18/12/2006	Hoa	7140209	Sư phạm Toán học	Giỏi	DBTPHCM
10	Châu Khoa Nhiên	Nữ	06/02/2006	Chăm	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
11	Danh Rương	Nam	06/11/2006	Khmer	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
12	Tăng Văn Nhật Tiến	Nam	22/08/2006	Khmer	7540101	Công nghệ thực phẩm		DBTPHCM
13	Lý Quốc Thanh	Nam	21/05/2006	Khmer	7340101	Quản trị kinh doanh		DBTPHCM
14	Thạch Minh Thiện	Nam	01/01/2006	Khmer	7620305	Quản lý thủy sản		DBTPHCM
15	Thạch Răng Xây	Nam	15/03/2006	Khmer	7520103	Kỹ thuật cơ khí		DBTPHCM
16	Huỳnh Thị Kim Yến	Nữ	21/12/2006	Khmer	7310101	Kinh tế		DBTPHCM
17	Lý Tiến Vĩ	Nam	01/01/2006	Khmer	7480201	Công nghệ thông tin		DBTPHCM
18	Thạch Phúc Thịnh	Nam	12/02/2006	Khmer	7520201	Kỹ thuật điện		DBTPHCM
19	Kim Thị Hồng Đăng	Nữ	17/07/2006	Khmer	7140212	Sư phạm Hóa học	Giỏi	DBTPHCM
20	Sơn Thị Ánh Hồng	Nữ	14/05/2006	Khmer	7140213	Sư phạm Sinh học	Giỏi	DBTPHCM
21	Quách Sô Quang	Nam	13/04/2006	Khmer	7640101	Thú y		DBTPHCM
22	Kiên Thị Thanh Thảo	Nữ	09/03/2006	Khmer	7420101	Sinh học		DBTPHCM

TT	Họ và tên	Phái	Ngày Sinh	Dân tộc	Mã ngành	Tên ngành	Xếp loại học lực (lớp 12)	Trường
23	Sơn Hoàng Thắng	Nam	26/11/2006	Khmer	7420201	Công nghệ sinh học		DBTPHCM
24	Danh Ngô Khả Trân	Nữ	30/04/2006	Khmer	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giỏi	DBTPHCM
25	Dương Tăng Vũ	Nam	22/08/2006	Khmer	7140212	Sư phạm Hóa học	Giỏi	DBTPHCM
26	Kim Bảo Yến	Nữ	18/02/2006	Khmer	7420101	Sinh học		DBTPHCM
27	Danh Ngọc Cẩm	Nữ	15/10/2006	Khmer	7140219	Sư phạm Địa lý	Giỏi	DBTPHCM
28	Rơ Châm Choã	Nữ	05/03/2006	Jrai	7310301	Xã hội học		DBTPHCM
29	Trần Hoàng Danh	Nam	24/05/2005	Khmer	7320101	Báo chí		DBTPHCM
30	Sơn Thị Dương	Nữ	30/08/2006	Khmer	7380101	Luật		DBTPHCM
31	Liêu Sơn Chanh Đora	Nam	16/01/2006	Khmer	7380101	Luật		DBTPHCM
32	Chau Ngọc Hân	Nữ	02/06/2004	Khmer	7229030	Văn học		DBTPHCM
33	La Thị Phương Hân	Nữ	15/05/2006	Khmer	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	DBTPHCM
34	Danh Tuấn Khang	Nam	24/08/2006	Khmer	7380101	Luật		DBTPHCM
35	Thị Hồng Loan	Nữ	13/07/2006	Khmer	7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự		DBTPHCM
36	Danh Thái Nguyên	Nam	25/04/2006	Khmer	7380101	Luật		DBTPHCM
37	Thạch Thanh Phong	Nam	03/11/2006	Khmer	7810101	Du lịch		DBTPHCM
38	Ksor H' Sơ	Nữ	19/11/2006	Jrai	7310301	Xã hội học		DBTPHCM
39	Kim Sô Ni Ta	Nam	11/03/2006	Khmer	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Giỏi	DBTPHCM
40	Huỳnh Thị Hoàng Trâm	Nữ	30/05/2006	Khmer	7140218	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	DBTPHCM
41	Vi Thị Ngọc Anh	Nữ	31/08/2006	Thái	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	DBTPHCM
42	Kim Thị Ngọc Duyên	Nữ	28/02/2006	Khmer	7229030	Văn học		DBTPHCM
43	Danh Thị Ngọc Diệp	Nữ	30/05/2006	Khmer	7220201	Ngôn ngữ Anh		DBTPHCM
44	Lâm Thị Ngọc Hân	Nữ	20/08/2006	Khmer	7320104	Truyền thông đa phương tiện		DBTPHCM
45	Thiên Diệu Hiền	Nữ	06/03/2006	Chăm	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	DBTPHCM
46	Thạch Thuý Kha	Nữ	12/01/2006	Khmer	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	DBTPHCM
47	Thạch Điền Mai Lê	Nữ	05/10/2006	Khmer	7220201	Ngôn ngữ Anh		DBTPHCM
48	Lâm Yến Ngân	Nữ	15/12/2006	Khmer	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
49	Đồng Thị Kim Ngân	Nữ	27/02/2006	Chăm	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM

TT	Họ và tên	Phái	Ngày Sinh	Dân tộc	Mã ngành	Tên ngành	Xếp loại học lực (lớp 12)	Trường
50	Đàng Thị Kim Như	Nữ	17/12/2006	Chăm	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	DBTPHCM
51	Triệu Thị Minh Phượng	Nữ	09/11/2006	Khmer	7340301	Kế toán		DBTPHCM
52	Đồng Nữ Lệ Quyên	Nữ	26/10/2006	Chăm	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
53	Kiên Quốc Thái	Nam	20/03/2006	Khmer	7340201	Tài chính - Ngân hàng		DBTPHCM
54	Trần Hồng Thắm	Nữ	24/04/2006	Khmer	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTPHCM
55	Rcom H' Nem	Nữ	08/03/2006	Jrai	7380101	Luật	Giỏi	DBTWNT
56	Bhnuóch Thị Bình	Nữ	17/08/2006	Cơ Tu	7380101	Luật	Giỏi	DBTWNT
57	H' Mê Za MLô	Nữ	12/09/2006	Ê đê	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTWNT
58	La Bá Dzura	Nữ	18/05/2006	Chăm	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTWNT
59	Vì Thị Trần Ngọc	Nữ	13/09/2006	Nùng	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTWNT
60	Hà Nguyễn Nga	Nữ	23/01/2006	Tày	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	DBTWNT

Tổng danh sách có 60 thí sinh.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ